TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN YÊN PHONG

KHOA DƯỢC-VTTTBYT

THÔNG TIN THUỐC

HƯỚNG DẪN PHA TIÊM/TRUYỀN MỘT SỐ LOẠI KHÁNG SINH

Tháng 1, năm 2024

Tài liệu tham khảo:

1. Tờ thông tin sản phẩm của nhà sản xuất
2. Injectable drugs guide
3. Dược thư Quốc gia Việt Nam

	Người soạn thảo	Người kiểm tra	Lãnh đạo phê duyệt
Họ và tên	**Tổ dược lâm sàng**	**DS.CK1. Lưu Ngọc Lan**	**ThS. BS. Nguyễn Thị Thùy Dương**
Kí			

MỤC LỤC

STT	Tên thuốc	Số slide	STT	Tên thuốc	Số slide
1	Ama-power	3	9	Ceftibiotic 1000	11
2	Cefamandol 1g	4	10	Ceftrione 1g	12
3	Cefopefast 1g	5	11	Poltraxon 1g	13
4	Bacsulfo 1g+0,5g	6	12	Ciprofloxacin Kabi 200mg/100ml	14
5	Cefotaxone 1g	7	13	Gentamycin Kabi	15
6	Cefovidi 1g	8	14	Levofloxacin Cooper 500mg/100ml	16
7	Tenamyd-cefotaxime 1000	9	15	Goldoflo	17
8	Bicefzidim 1g	10	16	Metronidazol Kabi	18

1. AMPICILLIN+SULBACTAM

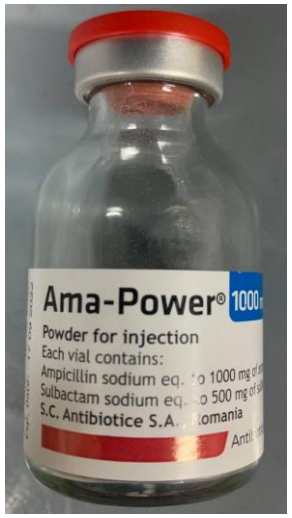

Ama-power
1g+0,5g
Bột pha tiêm

Hòa tan hoàn toàn

+3,2 ml

NCPT

NaCl 0.9%

Lắc kĩ, để yên cho bọt trong dd mất hẳn

Tiêm bắp sâu

Pha loãng tiếp ngay trong **50-100ml** dd **NaCl 0,9%**

Truyền tĩnh mạch
15-30 phút

Lưu ý: Bảo quản thuốc ở nhiệt độ <30 °C, trong bao bì gốc

Tương kị:
- Ama-power nên được pha và tiêm riêng biệt với các aminoglycosid (nên tiêm ở các vị trí xa nhau và cách khoảng ít nhất là 1 giờ)
- Không nên pha trộn chung Ama-power với các chế phẩm của máu hoặc dịch đạm thủy phân.

2. CEFAMANDOL

Cefamandol 1g
Bột pha tiêm

Hòa tan
3ml

Hòa tan
10ml

Hòa tan
10ml

NCPT

Tiêm bắp

Tiêm tĩnh mạch
3-5 phút

Pha loãng
50-100ml

NaCl 0.9%

Glucose 5%,

Truyền tĩnh mạch

Lưu ý:
- Bảo quản: nơi khô, < 30^{0}C, tránh ánh sáng
- Sử dụng ngay sau khi mở hoặc pha loãng
- Nếu không dùng ngay có thể bảo quản ở 5°C trong 24 giờ, nhiệt độ 25 độ C trong 12 giờ.

Tương kị:
- Aminoglycosid, metronidazole.
- Ion Mg, Calci, Ringer lactat.

3. CEFOPERAZON

Cefopefast
1g Bột pha tiêm

Hòa tan hoàn toàn

+5 ml

NCPT

NaCl 0.9%
Glucose 5%

Lắc kĩ, để yên cho bọt trong dd mất hẳn

Pha loãng ngay trong 15ml DM để được nồng độ 50mg/ml

Tiêm tĩnh mạch chậm

Pha loãng tiếp ngay trong **20-40ml** dd **NaCl 0,9%, Glucose 5**

Truyền tĩnh mạch **15-30 phút**

Lưu ý: Dung dịch sau khi pha xong nếu chưa dùng ngay không được để quá 8 giờ ở nhiệt độ phòng 25 độ C, hoặc không quá 24 giờ ở nhiệt độ 2-8 độ C

Tương kị:

- Có tương kị vật lý giữa cefoperazon và aminoglycoside => nếu sử dụng kết hợp cần phải dùng riêng rẽ

4. CEFOPERAZONE+SULBACTAM

Bacsulfo 1g+0,5g
Bột pha tiêm

Hòa tan hoàn toàn

+ 3,2 ml

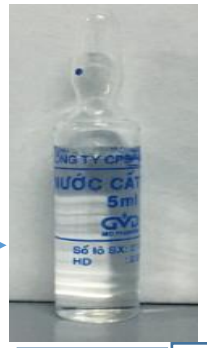

NCPT

NaCl 0.9%

Glucose 5%

Pha loãng tiếp trong **20ml** với cùng dung môi pha thuốc

Tiêm tĩnh mạch:
≥ 3 phút

Truyền tĩnh mạch
15-60 phút

Lưu ý:
- Bảo quản thuốc ở nhiệt độ <30 °C, tránh ẩm và ánh sáng.
- DD từ không màu đến vàng, không được có tiểu phân nhìn bằng mắt thường, không bị kết tủa.
- Độ ổn định lý hóa là 8 giờ ở nhiệt độ phòng (khoảng 25°C)
- Thuốc chỉ được dùng 1 lần, dd còn thừa phải được loại bỏ.

Tương kỵ:
- Tránh hòa tan lúc đầu với Ringer lactat, Lidocain HCl 2%
- Nếu cần phải điều trị phối hợp Bacsulfo+ Aminoglycosid có thể dùng cách truyền ngắt quãng xen kẽ nhau miễn là dùng đường truyền riêng biệt và đường truyền lần trước phải được súc kỹ với dd pha thích hợp trước khi truyền lần tiếp theo. *Liều bacsulfo* nên được sử dụng trong ngày tại thời điểm càng cách xa *liều aminoglycosid* càng tốt.

5. CEFOTAXIM

Cefotaxone 1g
Bột pha tiêm

Hòa tan
4ml

Hòa tan
4ml

Hòa tan
4ml

NCPT

Tiêm bắp (cơ mông)
(Liều > 2g nên tiêm 2 vị trí khác nhau)

Tiêm tĩnh mạch
3-5 phút

Pha loãng
50ml

NaCl 0.9%

Glucose 5%

Truyền tĩnh mạch:
50-60 phút

Lưu ý:
- Bảo quản: nơi khô, < 30^{0}C, tránh ánh sáng
- Sử dụng ngay sau khi mở hoặc pha loãng (tiêm bắp hoặc tiêm TM), với dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch ổn định trong 60 phút ở nhiệt độ phòng.

Tương kị:
- Dung dịch kiềm: Natri bicarbonate.
- Aminoglycosid, metronidazole.
- Không trộn lẫn với các kháng sinh khác trong cùng 1 bơm tiêm/bộ dụng cụ truyền tĩnh mạch.

6. CEFOTAXIM

Cefovidi 1g
Bột pha tiêm

Hòa tan
3ml

Hòa tan
10ml

Hòa tan
4ml

NCPT

Tiêm bắp
(Liều > 2g nên tiêm 2 vị trí khác nhau)

Tiêm tĩnh mạch
3-5 phút

Pha loãng
50-100ml

NaCl 0.9%

Glucose 5%

Truyền tĩnh mạch:
20-60 phút

Lưu ý:
- Bảo quản: nơi khô, < 30^{0}C, tránh ánh sáng
- Sử dụng ngay sau khi mở hoặc pha loãng
- Nếu không dùng ngay có thể bảo quản ở 2-8°C trong 24 giờ.

Tương kị:
- Dung dịch kiềm: Natri bicarbonate.
- Aminoglycosid, metronidazole.
- Không trộn lẫn với các kháng sinh khác trong cùng 1 bơm tiêm/bộ dụng cụ truyền tĩnh mạch.

7. CEFOTAXIM

Tenamyd-cefotaxime 1000
Bột pha tiêm

Hòa tan
3ml

Hòa tan
10ml

Hòa tan
4ml

NCPT

Tiêm bắp
(Liều > 2g nên tiêm 2 vị trí khác nhau)

Tiêm tĩnh mạch
3-5 phút

Pha loãng
50-100ml

NaCl 0.9%

Glucose 5%

Truyền tĩnh mạch:
20-60 phút

Lưu ý:
- Bảo quản: nơi khô, < 30^{0}C, tránh ánh sáng
- Sử dụng ngay sau khi mở hoặc pha loãng
- Nếu không dùng ngay có thể bảo quản ở 2-8°C trong 24 giờ.

Tương kị:
- Dung dịch kiềm: Natri bicarbonate.
- Aminoglycosid, metronidazole.
- Không trộn lẫn với các kháng sinh khác trong cùng 1 bơm tiêm/bộ dụng cụ truyền tĩnh mạch.

8. Ceftazidim

Bicefzidim 1g
Bột pha tiêm

+ 3ml →

Đạt nồng độ 250mg/ml →

Tiêm bắp

+ 10ml →

Đạt nồng độ 100mg/ml →

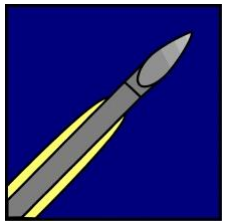

Tiêm tĩnh mạch: 3-5 phút

+ 10ml →

+ 90ml dung dịch pha đã lựa chọn để đạt nồng độ 10mg/ml →

Truyền tĩnh mạch : 15-30 phút

Lưu ý: Bảo quản: < 30^0C, tránh ánh sáng

Tương kị:
- Natri bicarbonate
- Vancomycin
- KS nhóm aminoglycosid, metronidazol

9. Ceftizoxim

+ 3ml

Lắc đều

Được nồng độ đạt 270mg/ml

Tiêm bắp

+ 10ml

Lắc đều

Được nồng độ đạt 95mg/ml

Tiêm tĩnh mạch: 3-5 phút

Ceftibiotic 1000
Bột pha tiêm

Lưu ý: Bảo quản < 30^0C, tránh ánh sáng

Tương kị:

- Thuốc chống đông máu, thuốc lợi tiểu (**heparin, furosemid**)
- **Amikacin**, erythromycin, **gentamicin**, ceftizoxim nồng độ 20mg/ml với **propofol**, ceftizoxim nồng độ 280mg/ml với **vancomycin** nồng độ 20mg/ml trong glucose 5% .

10. Ceftriaxon

Ceftrione 1g
Bột pha tiêm

+ 3,5 ml → Lidocain 1% → Tiêm bắp (Tiêm cơ bắp lớn, không liều >1g ở một vị trí)

+ 10 ml → → 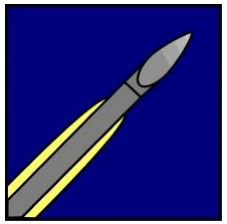 Tiêm tĩnh mạch: 2-4 phút

+ 10 ml → 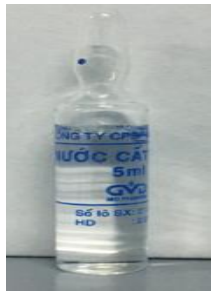 + 50-100 ml → → Truyền tĩnh mạch ≥ 30 phút

Lưu ý: Bảo quản trước pha: < 30^{0}C
Dung dịch đã pha: 6 giờ ở nhiệt độ phòng, 24 giờ ở 2-8°C.

Tương kị:
- **Dung dịch có chứa calci: Ringer's, dung dịch Hartmann**
- Dây truyền hoặc bơm tiêm phải được tráng rửa cẩn thận bằng nước muối (natri clorid 0,9%) giữa các lần tiêm ceftriaxon và các thuốc khác như **vancomycin**.
- Không nên pha lẫn với các dung dịch thuốc kháng khuẩn khác.
- **Aminophylline**, clindamycin phosphate

11. Ceftriaxon

Poltraxon 1g
Bột pha tiêm

+ 3,5 ml → Lidocain 1% → Tiêm bắp (Tiêm cơ bắp lớn, không liều >1g ở một vị trí)

+ 10 ml → → 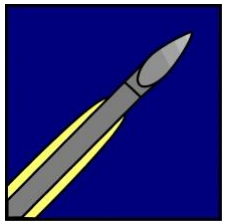 Tiêm tĩnh mạch: 2-4 phút

+ 10 ml → 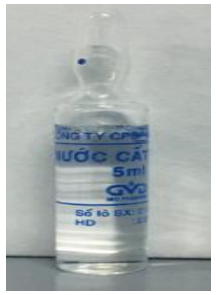 + 50-100 ml → → Truyền tĩnh mạch ≥ 30 phút

Lưu ý: Bảo quản trước pha: < 30^{0}C
Dung dịch đã pha: 6 giờ ở nhiệt độ phòng, 24 giờ ở 2-8°C.

Tương kị:
- **Dung dịch có chứa calci: Ringer's, dung dịch Hartmann**
- Dây truyền hoặc bơm tiêm phải được tráng rửa cẩn thận bằng nước muối (natri clorid 0,9%) giữa các lần tiêm ceftriaxon và các thuốc khác như **vancomycin**.
- Không nên pha lẫn với các dung dịch thuốc kháng khuẩn khác.
- **Aminophylline**, clindamycin phosphate

12. CIPROFLOXACIN

Ciprofloxacin Kabi
200mg/100ml
Dung dịch tiêm truyền

Dùng trực tiếp

Truyền TM chậm
TE: 60 phút
NL: 60 phút (400mg); 30 phút (200mg)

Lưu ý: 5-30^{0}C, tránh ánh sáng, tránh đóng băng.

Tương kị:
- Heparin natri, penicilin, fluocloxacilin, amoxicilin, dạng kết hợp amoxicilin và clavulanat kali, aminophylin, và clindamycin.
- Sodium bicarbonate.
- Magnesium sulfate, methylprednisolone sodium succinate, propofol, ticarcillin/ clavulanate.

13. GENTAMYCIN

Gentamycin Kabi 40mg/ml
Gentamycin Kabi 80mg/2ml
Dung dịch tiêm

1mg Gentamycin /1 ml dung môi

Pha đến Khoảng 50-200ml
Dung môi tương hợp

Tiêm tĩnh mạch: ≥3 phút

Truyền tĩnh mạch
30-120 phút

Lưu ý: Sử dụng ngay sau khi pha loãng, có thể bảo quản 2-8 độ C trong 24h. DD sau khi pha ổn định ở nhiệt độ phòng trong 24h

Tương kỵ:
- Kháng sinh β-lactam, erythromycin hoặc lipidphysan
- Furosemid
- Natri heparin
- Natri bicarbonat
- Diazepam

14. LEVOFLOXACIN

Dùng trực tiếp

Truyền TM chậm

TE: ≥ 60 phút

NL: ≥ 30 phút (HL: 250mg); ≥ 60 phút (HL: 500mg); ≥ 90 phút (HL:750mg)

Levofloxacin Cooper
500mg/100ml
Dung dịch tiêm truyền

Tương kỵ:
- Furosemid
- Heparin
- Propofol

Lưu ý: Dùng ngay sau khi mở, nếu không dung hết bỏ phần còn lại

15. OFLOXACIN

Dùng trực tiếp

Truyền TM chậm
≥ 30 phút (HL: 200mg)

Goldoflo
Ofloxacin 200mg/40ml
Dung dịch truyền tĩnh mạch

Tương kỵ:
- Heparin

Lưu ý: Dùng ngay sau khi mở, nếu không dung hết bỏ phần còn lại

16. METRONIDAZOL

Dùng trực tiếp

Truyền tĩnh mạch chậm: 5ml/phút

Metronidazol Kabi
Metronidazol 500mg/100ml
Dung dịch tiêm truyền

Lưu ý: không bảo quản lạnh để tránh kết tinh, dung ngay sau khi mở, nếu không dung hết phải bỏ đi

Tương kỵ:
- Không sử dụng thiết bị vật liệu làm bằng nhôm có thể dẫn đến hình thành kết tủa.
- Không tương thích với: Aztreonam, cefamadole nafate, cefoxitin, penicillin G.